CÔNG TY TNHH SÂM VÀ THẢO DƯỢC VIỆT NAM

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SÂM VÀ THẢO DƯỢC VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM GINSENG AND HERB COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110558012

3. Ngày thành lập: 30/11/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 6A, Ngõ 29/70 Khương Hạ, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0975381328* Fax:

Email: *samvathaoduocvietnam@gmail.com* Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	*4322*
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	*4329*
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	*4330*
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	*4390*
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá)	*4511*
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	*4512*
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá)	*4513*
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	*4520*
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá)	*4530*
10.	Bán mô tô, xe máy (Loại trừ hoạt động đấu giá)	*4541*
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	*4542*
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Loại trừ hoạt động đấu giá)	*4543*
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ hoạt động đấu giá)	*4610*

14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ các loại Nhà nước cấm)	*4620*
15.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	*4631*
16.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; - Bán buôn thủy sản; - Bán buôn rau, quả; - Bán buôn cà phê; - Bán buôn chè; - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; - Bán buôn thực phẩm khác; - Kinh doanh thực phẩm chức năng	*4632(Chính)*
17.	Bán buôn đồ uống	*4633*
18.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	*4634*
19.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	*4641*
20.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	*4649*
21.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	*4661*
22.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Loại trừ hoạt động Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác)	*4662*
23.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	*4663*
24.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	*4669*
25.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	*0118*
26.	Trồng cây hàng năm khác	*0119*
27.	Trồng cây ăn quả	*0121*
28.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	*0122*
29.	Trồng cây điều	*0123*
30.	Trồng cây hồ tiêu	*0124*
31.	Trồng cây cao su	*0125*
32.	Trồng cây cà phê	*0126*
33.	Trồng cây chè	*0127*
34.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	*0128*
35.	Trồng cây lâu năm khác	*0129*
36.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	*0131*
37.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	*0132*
38.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	*0141*
39.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	*0142*
40.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	*0144*
41.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	*0145*
42.	Chăn nuôi gia cầm	*0146*

43.	Chăn nuôi khác	*0149*
44.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	*0150*
45.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	*0161*
46.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	*0162*
47.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	*0163*
48.	Xử lý hạt giống để nhân giống	*0164*
49.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	*0210*
50.	Khai thác gỗ	*0220*
51.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	*0231*
52.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	*0232*
53.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	*0240*
54.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Loại trừ: Dịch vụ báo cáo tòa án hoặc ghi tốc ký; Dịch vụ lấy lại tài sản; Hoạt động đấu giá)	*8299*
55.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Loại trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	*9000*
56.	Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên	*9103*
57.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	*9311*
58.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	*9312*
59.	Hoạt động thể thao khác	*9319*
60.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	*9321*
61.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	*9329*
62.	Hoạt động của các hiệp hội kinh doanh và nghiệp chủ	*9411*
63.	Hoạt động của các tổ chức khác chưa được phân vào đâu	*9499*
64.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản	*6810*
65.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản	*6820*
66.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	*7490*
67.	Cho thuê xe có động cơ	*7710*
68.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các loại Nhà nước cấm)	*4690*

69.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	*4711*
70.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	*4719*
71.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	*4721*
72.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	*4722*
73.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	*4723*
74.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	*4724*
75.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	*4730*
76.	Xay xát và sản xuất bột thô	*1061*
77.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	*1062*
78.	Sản xuất các loại bánh từ bột	*1071*
79.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	*1079*
80.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản	*1080*
81.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	*1101*
82.	Sản xuất rượu vang	*1102*
83.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	*1103*
84.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	*1104*
85.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	*1621*
86.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	*1622*
87.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	*1623*
88.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	*1629*
89.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	*2100*
90.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	*2219*
91.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	*2220*
92.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	*2591*
93.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	*2592*
94.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ hoạt động đấu giá)	*4774*
95.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	*4781*
96.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	*4782*
97.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	*4783*
98.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	*4784*
99.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	*4785*
100.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	*4789*
101.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	*4933*

102.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	*5210*
103.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	*5510*
104.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	*5610*
105.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	*5621*
106.	Dịch vụ ăn uống khác	*5629*
107.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar)	*5630*
108.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	*7729*
109.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	*7730*
110.	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh đại lý lữ hành	*7911*
111.	Điều hành tua du lịch	*7912*
112.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	*7990*
113.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	*3100*
114.	Xây dựng nhà để ở	*4101*
115.	Xây dựng nhà không để ở	*4102*
116.	Xây dựng công trình đường sắt	*4211*
117.	Xây dựng công trình đường bộ	*4212*
118.	Xây dựng công trình điện	*4221*
119.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	*4222*
120.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	*4223*
121.	Xây dựng công trình công ích khác	*4229*
122.	Xây dựng công trình thủy	*4291*
123.	Xây dựng công trình khai khoáng	*4292*
124.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	*4293*
125.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	*4299*
126.	Phá dỡ	*4311*
127.	Chuẩn bị mặt bằng (Loại trừ hoạt động nổ mìn)	*4312*
128.	Lắp đặt hệ thống điện	*4321*
129.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	*4752*
130.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	*4753*
131.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	*4759*

132.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	*4761*
133.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ: Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; Bán lẻ tem và tiền kim khí; Bán lẻ vàng, bạc, đá quí và đá bán quí, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh)	*4773*

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	MAI THỊ THƯƠNG	Việt Nam	Tổ 3, Cụm 4, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	4.000.000.000	40,000	022191001735	
2	LÊ ĐỨC TÀI	Việt Nam	Thôn Đồng Vi, Xã Đông La, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	6.000.000.000	60,000	034091003616	

8. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: LÊ ĐỨC TÀI Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *29/07/1991* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *034091003616*

Ngày cấp: *25/08/2021* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Đồng Vi, Xã Đông La, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 6A, Ngõ 29/70 Khương Hạ, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội